TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 24 tháng 10 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Tuấn và ông Phạm Ngọc Huấn
***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Đức Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 10/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HS ngày 10/10/2018 đối với bị cáo:

Hoàng Xuân L (tên gọi khác Hoàng Xuân L1), sinh ngày 19/5/1942 tại: K, N, Bắc Kạn; nơi cư trú: thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn X và bà Hoàng Thị S (đều đã chết); có vợ Trần Thị Y và 02 con; tiền sự: Không; tiền án có 01 tiền án tại bản án số: 90 ngày 19/6/1996 của TAND tỉnh Thanh Hóa đã xét xử và tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội là 20 năm tù ngày 20/12/ 2011 được ra trại, nay bị cáo được tại ngoại (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Vi Văn T, sinh năm 1968; trú tại: thôn Pò Nim, xã Cường Lợi, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Lưu Văn S, sinh năm1963; trú tại: thôn Pò Nim, xã Cường Lợi, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2015 ông Vi Văn T đến nhà ông Lưu Văn S chơi thì gặp Hoàng Xuân L (tức L1) cũng đang ở nhà ông S chơi. Trong lúc ngồi chơi, nói chuyện ông T có nói "*Có con trai mới ra trường giờ chưa xin được việc làm, bản thân không quen ai nên không xin được việc*", nghe ông T nói như vậy

Hoàng Xuân L bảo "*Nếu có tiền thì tao chạy được việc cho con mày*", nghe L nói vậy ông T bảo "*Có thật không?*" thì L nói "*Tao chạy được cho nhiều người mày cứ yên tâm không sợ mất tiền*" nên ông T xin số điện thoại của Hoàng Xuân L. Sau khi nhận lời chạy việc cho con trai ông T, L bảo ông T chuẩn bị khoảng 150.000.000,đ để đưa cho L chạy việc cho con trai là Vi Văn H và L bảo với ông T là cứ yên tâm. Ngày 20/12/2015 ông T chở ông Lưu Văn S đi thành phố Bắc Kạn gặp và đưa cho Hoàng Xuân L số tiền 5.000.000,đ tại phòng trọ của L tại tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn nhưng không viết giấy tờ. Ngày hôm sau là ngày 21/12/2015 ông T lại cùng với ông S đi ra thành phố B gặp L tại phòng trọ và đưa cho L số tiền 101.000.000,đ, L viết giấy biên nhận tiền từ trước với tổng số tiền là 106.000.000,đ bao gồm cả số tiền 5.000.000,đ nhận ngày 20/12/2015 và 101.000.000,đ nhận ngày 21/12/2015 rồi đưa giấy biên nhận cho ông T giữ, cả hai lần nhận tiền nói trên thì ông S chỉ đứng ngoài phòng trọ và không chứng kiến việc đưa tiền, sau khi đưa tiền xong, ông S cùng ông T đi về nhà. Đến ngày 30/12/2015 Hoàng Xuân L gọi điện thoại cho ông T xuống nhà ông S ăn cơm tối, khi xuống nhà ông S, ông T cầm theo 10.000.000,đ và định đưa tiền cho L tại nhà ông S nhưng L bảo "*Sợ con gái đòi tiền nên đừng đưa, đưa thì ra chỗ Ủy ban huyện đưa*". Sau đó ông T dùng xe máy chở L ra Ủy ban nhân dân huyện N, khi cách Ủy ban khoảng 20 m thì L và ông T dừng lại nói chuyện, L bảo "*Đưa tiền đi rồi tí tao khác có xe về nên mày đừng lo*". Sau đó để tạo niềm tin cho ông T, L gọi điện cho ông T bảo *"Sắp xin được việc rồi, tao có quen nhiều người lắm nên xin dễ"*. Đến ngày 18/4/2016 ông T đi đón L về nhà ăn cơm trưa và đưa tiếp cho L số tiền 14.000.000,đ, sau khi nhận tiền L viết giấy biên nhận tiền nhưng trên giấy biên nhận tiền ghi ngày 30/12/2015 và cộng tất cả các lần đã nhận tiền gồm: 5.000.000,đ nhận ngày 20/12/2015; 101.000.000,đ nhận ngày 21/12/2015; 10.000.000,đ nhận ngày 30/12/2014 và 14.000.000,đ nhận ngày 18/4/2016, sau đó ông S đưa L đi ra bến xe khách huyện N. Sau khi nhận được 130.000.000,đ của ông Vi Văn T, Hoàng Xuân L không lấy số tiền đó đi xin việc cho con trai ông T mà dùng để tiêu sài cá nhân. Ông T sau một thời gian dài không thấy L xin được việc cho con trai mình thì gọi điện cho L nhiều lần nhưng không liên lạc được, ông T đã viết đơn trình báo Công an huyện N. Đến giữa tháng 6 năm 2018 Hoàng Xuân L đã nhờ bà Lộc Thị C trả lại cho ông Vi Văn T số tiền 20.000.000,đ tại nhà bà C. Ông Vi Văn T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 tờ "Giấy biên nhận" ghi ngày 21/12/2015 do Hoàng Xuân L viết khi nhận số tiền 106.000.000,đ và 01 tờ "Giấy biên nhận tiền" ghi ngày 30/12/2015, nội dung "Giấy biên nhận tiền" có ghi các đợt Hoàng Xuân L nhận tiền của ông Vi Văn T với tổng số tiền là 130.000.000,đ. Cả hai tờ giấy trên ông T giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày 13/7/2018 hiện được lưu trong hồ sơ vụ án.

Ngày 18/7/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ban hành quyết định trưng cầu giám định số 345, ngày 18/7/2018 gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn để giám định. Tại kết luận giám định số 11/KTHS-GĐTL ngày 06/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận:

- Chữ viết trên giấy biên nhận, ghi ngày 21/12/2015 - ký hiệu A1 và chữ viết trên giấy biên nhận tiền, ghi ngày 30/12/2015 - ký hiệu A2 là chữ viết trực tiếp bằng bút.

- Chữ viết trên giấy biên nhận, ghi ngày 21/12/2015 - ký hiệu A1 với chữ viết trên giấy biên nhận tiền, ghi ngày 30/12/2015 - ký hiệu A2 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên giấy biên nhận, ghi ngày 21/12/2015 - ký hiệu A1 và chữ viết trên giấy biên nhận tiền, ghi ngày 30/12/2015 - ký hiệu A2 với chữ viết trên bản tự khai, ghi ngày 14/5/2018 - ký hiệu A3 (trừ các chữ viết ở góc trái cuối bản tự khai: *Nhận ngày 14/5/2018 Nông Văn Tuấn*) là do cùng một người viết ra.

- Số tiền 130.000.000,đ Hoàng Xuân L chiếm đoạt được đã tiêu xài cá nhân hết 110.000.000,đ nên không thu giữ được. L đã trả lại cho ông Vi Văn T được số tiền là 20.000.000,đ.

- 01 tờ "Giấy biên nhận" ghi ngày 21/12/2015 do Hoàng Xuân L viết khi nhận số tiền 106.000.000,đ của ông Vi Văn T; 01 tờ "Giấy biên nhận tiền" ghi ngày 30/12/2015 nội dung ghi các đợt Hoàng Xuân L nhận tiền của ông Vi Văn T với tổng số tiền là 130.000.000,đ, hiện được lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKS-NR ngày 05/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX Tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân L (tên gọi khác Hoàng Xuân L1) phạm "Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, m, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù; Về phần trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 110.000.000đ. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố

tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Cụ thể, vào khoảng năm 2015, Hoàng Xuân L gặp ông Vi Văn T tại nhà ông Lưu Văn S, ông T nói là có con trai học Cao đẳng sư phạm mới ra trường nhưng chưa xin được việc thì Hoàng Xuân L đã tạo lòng tin cho ông T là có quen biết nhiều người và hứa hẹn có thể *"Chạy"* việc được cho con trai ông T và bảo ông T đưa tiền cho L để chạy việc. Ông T tin tưởng nên đã giao tiền cho L 04 lần: Lần thứ nhất vào ngày 20/12/2015 L nhận 5.000.000,đ; lần thứ hai vào ngày 21/12/2015 ông T đưa cho L 101.000.000,đ; lần thứ ba ngày 30/12/2015 L nhận của ông T số tiền 10.000.000,đ; lần thứ tư là ngày18/4/2016 L nhận của ông T số tiền 14.000.000,đ. Quá trình nhận tiền bốn lần thì chỉ có bị cáo và ông T biết và có viết giấy biên nhận tiền. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của ông T là 130.000.000,đ. Sau khi nhận được tiền, bị cáo không nhờ ai và cũng không tác động đến ai để xin việc cho con trai ông T mà chi tiêu cá nhân hết 110.000.000,đ, đến giữa tháng 6 năm 2018 L đã nhờ bà Lộc Thị C trả lại ông T số tiền 20.000.000,đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội của địa phương và phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản " quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt từ hai năm đến bảy năm:

a) ……

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng".

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Nhân thân bị cáo: Bị cáo đi bộ đội năm 1966, phục viên năm 1985. Bị cáo là thương binh loại A - tỷ lệ thương tật 21%, hiện nay bị cáo đang được hưởng chế độ ưu đãi với người có công với cách mạng.

Bị cáo không có tiền sự, có 01 tiền án; Ngày 19/6/1996 Hoàng Xuân L bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử về các tội: "Giả mạo giấy chứng nhận,

tài liệu của cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội"; "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản Xã hội chủ nghĩa"; "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân", áp dụng khoản 1 Điều 211; khoản 3 Điều 134; khoản 3 Điều 157 Bộ luật hình sự, tuyên phạt 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/9/1995. Hoàng Xuân L đã chấp hành xong hình phạt tù kể từ ngày 20/12/2011, theo kết quả xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N thì không có hồ sơ thi hành án dân sự của Hoàng Xuân L về phần án phí hình sự, dân sự tại chi cục thi hành án dân sự huyện N. Tuy nhiên tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội là ngày 20/12/2015 thì chưa đủ 05 năm để L được xóa án tích.

Lịch sử bản thân bị cáo là: năm 1976 bị xử lý hành chính về hành vi tàng trữ vũ khí trái phép. Năm 1979 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Bắc Thái phạt 08 tháng tù về "Tội lừa đảo tài sản của công dân". Ngày 16/4/1991 TAND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về "Tội cố ý gây thương tích". Ngày 23/01/1992 TAND huyện L, tỉnh Hòa Bình xử phạt 04 tháng tù về "Tội vu khống".

Quá trình điều tra xác định giữa năm 2016 Hoàng Xuân L còn có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 100.000.000,đ của bà Trần Thị H -SN 1966 (trú tại tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) để chạy việc cho con trai bà H là anh Đinh Quang S. Hiện nay cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đã khởi tố vụ án, bị can đối với Hoàng Xuân L để điều tra.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Sau khi sự việc xảy ra, đến giữa tháng 6 năm 2018 bị cáo đã trả lại cho ông T số tiền 20.000.000,đ, tính từ thời điểm phạm tội đến nay bị cáo là người già (trên 70 tuổi) bị cáo là thương binh loại A - tỷ lệ thương tật 21%, hiện nay bị cáo đang được hưởng chế độ ưu đãi với người có công với cách mạng. Do đó, bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ là: "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại"; "Người phạm tội thành khẩn khai báo"; " người phạm tội là người già" quy định tại các điểm b, m, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 và "Người phạm tội là người có công với cách mạng" quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo có anh trai Hoàng Văn N là Liệt sỹ, do vậy bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng tà "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù. HĐXX xét thấy, mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo dưới khung là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, căn cứ vào các quy định của pháp luật: HĐXX

xét thấy, bị cáo có đầy đủ sự hiểu biết, nhận thức về pháp luật nhưng đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có 01 tình tiết tăng nặng là "tái phạm", tại phiên tòa bị cáo xin được giảm mức án nhẹ nhất và xin được hưởng án treo tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân xấu và không thường xuyên sinh sống tại địa phương và đối chiếu với các quy định của pháp luật hướng dẫn áp dụng mức án tù nhưng cho hưởng án treo thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo cụ thể bị cáo có lịch sử và nhân thân xấu bị cáo không thường xuyên sinh hoạt tại địa phương nơi cư trú đầy đủ, có tiền án, và bị cáo đang bị khởi tố điều tra về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không thỏa mãn cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần có một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng hình phạt tù dưới khung theo điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 buộc bị cáo đi cải tạo tập trung một thời gian nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định bị cáo là người già nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại ông Vi Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 110.000.000,đ mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt là có căn cứ, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 110.000.000,đ cho ông Vi Văn T .

[4]. Vật chứng của vụ án là 01 tờ "Giấy biên nhận" ghi ngày 21/12/2015 do Hoàng Xuân L viết khi nhận số tiền 106.000.000,đ của ông Vi Văn T; 01 tờ "Giấy biên nhận tiền" ghi ngày 30/12/2015 nội dung ghi các đợt Hoàng Xuân L nhận tiền của ông Vi Văn T với tổng số tiền là 130.000.000,đ, được lưu trong hồ sơ vụ án.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, m, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân L (tên gọi khác Hoàng Xuân L) phạm: "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Hoàng Xuân L phải bồi thường cho ông Vi Văn T số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật dân sự và Luật thi hành án dân sự.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Hoàng Xuân L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Tuấn **Phạm Ngọc Huấn** **Nguyễn Duy Cạn**

Nơi nhận:
-VKSND huyện N;
-TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện N;
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị hại;
- THA dân sự huyện N;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu TA.

Nguyễn Duy Cạn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Tuấn **Phạm Ngọc Huấn** **Nguyễn Duy Cạn**

Nơi nhận:
-VKSND huyện N;
-TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- THA dân sự huyện N;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Cạn